TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 374/2023/HS-PT
Ngày 18 và 19/5/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tự Học;

Các Thẩm phán: Ông Đặng Văn Hưng;

Ông Nguyễn Vũ Đông.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hưng, Kiểm sát viên cao cấp.

Trong các ngày 18 và 19 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 431/2022/TLPT-HS ngày 17 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo Vũ Đình X và các bị cáo khác, do có kháng cáo của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2022/HS-ST ngày 04 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

**** Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:***

1. Vũ Đình X, sinh năm 1980; giới tính: Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Hòa Chế; xã Hùng Thắng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: số nhà 87, ngõ 32, tập thể lắp máy 692 (Công ty CP Lilama 692), đường Tản Viên, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Thuyền trưởng; con ông Vũ Đình B1 và bà Bùi Thị T2 (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Hồng Th3 và có 2 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 26/9/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình; có mặt.

2. Vũ Văn S, sinh năm 1983; giới tính: Nam; nơi cư trú: thôn 5, xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Kinh doanh - Giám đốc công ty Sơn Huy; con ông Vũ Văn B2 và bà Đinh Thị Tr2; có vợ là Bùi Thị Thanh Th4 và có 05 con; con lớn sinh nhất năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2020;

tiền án: Bản án số 47/2017/HS-ST ngày 13/11/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Cố ý gây thương tích", ngày 28/6/2018 chấp hành xong hình phạt; Bản án số 699/2022/HSPT ngày 23/9/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xử phạt 10 năm 06 tháng tù về tội "Cố ý làm lộ bí mật nhà nước"; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 23/2005/HSST ngày 03/3/2005 Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Trộm cắp tài sản"; Bản án số 63/2014/HSST ngày 27/5/2014, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", bị cáo đã chấp hành xong các bản án trên và đều được xóa án tích; Bản án số 64/2021/HS-ST ngày 28/10/2021 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Mua bán trái phép hóa đơn"; bị bắt tạm giữ từ ngày 18/9/2020 đến ngày 21/9/2020 chuyển tạm giam trong vụ án "Cố ý làm lộ bí mật nhà nước"; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình; có mặt.

3. Doãn Văn H, sinh năm 1989; giới tính: Nam; nơi cư trú: xóm 1, xã Như Hòa, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Thủy thủ; con ông Doãn H8 và bà Lê Thị S1; có vợ là Trần Thị Ng và có 03 con; con lớn nhất sinh năm 2013, con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 26/9/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình; có mặt.

4. Vũ Văn H1, sinh năm 1989; giới tính: Nam; nơi cư trú: thôn 1 (thôn Du), xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Nhân viên Công ty Sơn Huy; con ông Vũ Ngọc Tr3 và bà Mai Thị H9; có vợ là Lê Thị B3 và có 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 05/2017/HSST ngày 08/02/2017 Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xử phạt 07 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", chấp hành xong hình phạt ngày 02/4/2017; bị bắt tạm giam từ ngày 30/9/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình; có mặt.

5. Đào Văn O, sinh năm 1959; giới tính: Nam; nơi cư trú: số nhà 37, tổ 2 (tổ 16 cũ), phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 5/10; nghề nghiệp: Thủy thủ; con ông Đào Văn Th5 và bà Nguyễn Thị G (đều đã chết); có vợ là Lê Thị Kh1 và có 02 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 29/9/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình; có mặt.

6. Trần Ngọc Q, sinh năm 1994; giới tính: Nam; nơi cư trú: thôn La Nguyễn, xã Minh Quang, huyện Vũ thư, tỉnh Thái Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Thủy thủ; con ông Trần Văn Nh1 và bà Trần Thị B4; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự:

Không; bị bắt tạm giam từ ngày 26/9/2020, hiện tại đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình; có mặt.

7. Trần Mạnh H1, sinh năm 1990; giới tính: Nam; nơi cư trú: thôn 5, xã Tam Hưng, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nhân viên Công ty Sơn Huy; con ông Trần Văn Th6 (đã chết) và bà Bùi Thị D2, chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 47/2017/HS-ST ngày 13/11/2017 Tòa án tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm tù về tội "Cố ý gây thương tích", tháng 9/2018 chấp hành xong hình phạt; nhân thân: Bản án số 78/2008/HSST ngày 23/6/2008 Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Cưỡng đoạt tài sản"; Bản án số 63/2014/HSST ngày 27/5/2014, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 15 táng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; bị bắt tạm giam từ ngày 09/10/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình; có mặt.

8. Bùi Ngọc K, sinh năm 1965; giới tính: Nam; nơi cư trú: Tổ dân phố Tân Hưng, thị trấn Kiến Xương, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 10/10; nghề nghiệp: Kinh doanh - Giám đốc Công ty Hoàng K; con ông Bùi Ngọc H10 (tên gọi khác: Bùi Ngọc K2) (đã chết) và bà Trần Thị H11; có vợ là Mai Thị H12 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 26/9/2020 đến ngày 29/4/2021 được thay thế bằng biện pháp Bảo lĩnh; có mặt.

**** Các bị cáo không kháng cáo, bị kháng nghị:***

1. Trần Văn Đ, sinh năm 1983; giới tính: Nam; nơi cư trú: xóm Sắn, thị trấn Vân Du, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Thiên Chúa Giáo; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Thủy thủ; con ông Trần Ngọc Đ4 và bà Mai Thị H13, sinh năm 1947; có vợ là Bùi Thị O1 và có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 26/9/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình; có mặt.

2. Trần Văn L, sinh năm 1994; giới tính: Nam; nơi cư trú: xóm 9, thôn La Nguyễn, xã Minh Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Thủy Thủ; con ông Trần Văn B4 và bà Nguyễn Thị X; có vợ là Nguyễn Thanh Th6 và có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 26/9/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình; có mặt.

3. Nguyễn Xuân Đ1, sinh năm 1964; giới tính: Nam; nơi cư trú: thôn Phú Giáp, xã Yên Phong, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/10; nghề nghiệp: Thủy Thủ; con ông

Nguyễn Xuân K3 (đã chết) và bà Nguyễn Thị B5; có vợ là Nguyễn Thị Nh2 và có 02 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 29/9/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình; có mặt.

**** Bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị được trích xuất:***

Đỗ Quang Th, sinh năm 1978; giới tính: Nam; nơi cư trú: thôn 14, xã Khánh Trung, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 07/10; nghề nghiệp: Máy trưởng tàu NB6675; con ông Đỗ Văn Ch1 và bà Phạm Thị Ng1; có vợ là Nguyễn Thị H14 và có 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 26/9/2020, hiện đang thi hành án tại Trại giam Ninh Khánh - Bộ Công an; có mặt.

**** Người bào chữa cho các bị cáo:***

- *Người bào chữa cho bị cáo Vũ Đình X do Tòa án chỉ định*: Luật sư Phạm Xuân Tr - Văn phòng luật sư Phạm Hữu L1 và Cộng sự, Đoàn luật sư tỉnh Thái Bình; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vũ Văn S do Tòa án chỉ định:* Luật sư Nguyễn Văn H2 - Văn phòng luật sư Thái B, Đoàn luật sư tỉnh Thái Bình; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Doãn Văn H do Tòa án chỉ định:* Luật sư Phạm Xuân Tr - Văn phòng luật sư Phạm Hữu L1 và Cộng sự, Đoàn luật sư tỉnh Thái Bình; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Vũ Văn H1 do Tòa án chỉ định:* Luật sư Phạm Văn H2 - Văn phòng luật sư Thái B, Đoàn luật sư tỉnh Thái Bình; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Bùi Ngọc K do bị cáo mời:* Luật sư Nguyễn Đình Gi và luật sư Bùi Thị Ng - Văn phòng luật sư Đình Gi và Cộng sự, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; đều có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:*** Tập đoàn điện lực Việt Nam.

Đại diện: Công ty nhiệt điện Thái Bình - Chi nhánh Tập đoàn điện lực Việt Nam; *Người đại diện theo ủy quyền:*

1. Ông Tạ Trung K - Giám đốc Công ty nhiệt điện Thái Bình; địa chỉ: thôn Chí Thiện, xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; có mặt.

2. Bà Trần Thị Th1 - Phó trưởng phòng hành chính và lao động Công ty nhiệt điện Thái Bình; địa chỉ: thôn Chỉ Thiện, xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; có mặt.

3. Ông Nguyễn Hoàng H4 - Luật sư, Trưởng Văn phòng luật sư Ng Hoàng H4 và Cộng sự, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Ô số 37 BT3, khu bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; có mặt.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Tập đoàn điện lực Việt*

Nam: Luật sư Phạm Thị Hồng V và luật sư Nguyễn Thị Thanh Ph - Văn phòng luật sư Ng Hoàng H4 và Cộng sự, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; luật sư Ph có đơn xin xét xử vắng mặt; luật sư V có mặt.

**** Người bị hại không kháng cáo được triệu tập:*** Công ty TNHH thương mại dịch vụ Dương Gi1; *Người đại diện theo pháp luật:* Anh Dương Văn T, sinh năm 1985 - Giám đốc; địa chỉ: phố Phong Đào, phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

**** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, được triệu tập:***

1. Tổng Công ty Đông B; địa chỉ: tổ 3, khu 8, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đỗ Mạnh Kh - Tổng Giám đốc; vắng mặt; *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Bùi A - Phó Tổng giám đốc; có mặt.

2. Công ty cổ phần than Sông H5; địa chỉ: số 30 Điện Biên Phủ, phường Điện Biên, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội; *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Bùi Anh Ph - Phó Giám đốc; có mặt.

3. Công ty cổ phần thương mại Trưng V1; địa chỉ: Đội 3, xã Trưng Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ; *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Đỗ Hữu Tr1 - Nhân viên Phòng kinh doanh; có mặt.

4. Công ty TNHH Hoàng K; địa chỉ: Km 29, đê Trà Lý, thôn Đình Phùng, xã Vũ Đông, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

5. Ông Bùi Trung K1, sinh năm 1972; địa chỉ: tổ dân phố Tân Hưng, thị trấn Kiến Xương, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; có mặt.

**** Người làm chứng:***

1. Anh Trần Văn H6, sinh năm 1981; nơi cư trú: phố Ngọc Linh, phường Thanh Bình, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình - Nhân viên giám sát tiếp nhận nhiên liệu - Phòng kế hoạch vật tư Công ty nhiệt điện Thái Bình; có mặt.

2. Anh Tạ Đức Ch, sinh năm 1984; nơi cư trú: xã Hòa An, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình - Nhân viên Công ty cổ phần than Sông H5; có mặt.

3. Anh Phan Văn Đ2, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ dân phố số 2, thị trấn Tiền Hải, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình - Nhân viên bộ phận phân xưởng nhiên liệu - Công ty nhiệt điện Thái Bình; có mặt.

4. Anh Nguyễn Viết C, sinh năm 1983; nơi cư trú: số 159, tổ 7, khu 6 phường Giếng Đáy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh - Nhân viên Công ty giám định Vinacontrol Quảng Ninh; vắng mặt.

5. Anh Bàng Văn M, sinh năm 1985; nơi cư trú: tổ 7, khu 1, phường Hà Khẩu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh - Nhân viên Công ty giám định Vinacontrol Quảng Ninh; vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Mạnh T1, sinh năm 1985; nơi cư trú: tổ 6, khu 7, phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh - Nhân viên Công ty giám định Vinacontrol Quảng Ninh; vắng mặt.

7. Anh Đỗ Tất D1, sinh năm 1980; nơi cư trú: tổ 3, khu 6, phường Giếng Đáy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh - Trưởng phòng giám định Công ty giám định Vinacontrol Quảng Ninh; vắng mặt.

8. Anh Vũ Ngọc Đ3, sinh năm 1985; nơi cư trú: xóm 10B, xã Khánh Nhạc, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình - Nhân viên Công ty cổ phần giám định năng lượng Việt Nam, chi nhánh miền Bắc; vắng mặt.

9. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1995; địa chỉ: thôn Nam Hòa, xã Thụy Liên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

10. Anh Nguyễn Văn L2, sinh năm 1994; địa chỉ: thôn 2, xã Hà Lai, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

11. Chị Bùi Hoàng Nh, sinh năm 1993; địa chỉ: khu đô thị 5, tổ 8, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

12. Anh Lê Thanh Hải, sinh năm 1984; đia chỉ: xã Đông Hoàng, huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

13. Ông Ngô Việt H7, sinh năm 1959; địa chỉ: thôn Đông Cao, xã Tây Tiến, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

14. Anh Phạm Văn Th2, sinh năm 1987; địa chỉ: xã Đông Quý, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 30/12/2019, Tổng công ty Đông B ký Hợp đồng số 15/HĐ2020/DONGBAC-EVN với Công ty Nhiệt điện Thái Bình về việc cung cấp than cho Công ty nhiệt điện Thái Bình năm 2020. Tổng Công ty Đông B ủy quyền cho Trung tâm giám định là Chi nhánh của Tổng Công ty Đông B giám định than để bán. Công ty cổ phần than Sông H5 (đơn vị thành viên của Tổng Công ty Đông B) thực hiện vận tải đầu nguồn và tổ chức giao hàng cho Công ty nhiệt điện Thái Bình. Do Công ty cổ phần than Sông H5 không có phương tiện vận tải nên đã tổ chức đấu thầu và ký hợp đồng vận chuyển than với Công ty cổ phần thương mại Trưng V1 (gọi tắt Công ty Trưng V1), địa chỉ: Đội 3, xã Trưng Vương, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 02/01/2020, Công ty Trưng V1 ký Hợp đồng số 09/HĐVTDV/2020/TV-DGNB với Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Dương Gi1 (gọi tắt là Công ty Dương Gi1) do ông Dương Văn T làm giám đốc, vận chuyển than từ cảng Khe Dây, tỉnh Quảng Ninh về giao than cho Công ty nhiệt điện Thái Bình, địa chỉ ở xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Theo hợp đồng vận chuyển

phương thức giao nhận: Đo mớn nước; tỷ lệ hao hụt 0,6%; độ ẩm giao nhận tại đầu nguồn (cảng xếp hàng: cảng Khe Dây, tỉnh Quảng Ninh) và tại cuối nguồn (cảng dỡ hàng: cảng Công ty nhiệt điện Thái Bình) và Công ty Dương Gi1 phải chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ số hàng (than) trên đường vận chuyển, kết quả giao hàng. Khi giao nhận hàng tại cảng Khe Dây, Trung tâm giám định cử cán bộ xuống tàu NB 6675 (tàu thủy biển số NB 6675 đẩy 2 sà lan biển số NB 6703 và NB 6704) xác định trọng tải của các sà lan, sau đó tiến hành rót than cám đầy vào các khoang của 2 sà lan, cán bộ Trung tâm giám định lấy mẫu để kiểm tra chất lượng than và đo mớn nước để xác định khối lượng than trên các sà lan. Kiểm tra xong, các thủy thủ trên tàu kéo bạt phủ kín các thành sà lan, luồn cáp cố định để niêm phong kẹp chì.

Thực hiện hợp đồng, Công ty Dương Gi1 giao cho Vũ Đình X là Thuyền trưởng tàu NB 6675 (được Công ty Dương Gi1 ký hợp đồng lao động) để nhận than từ cảng Khe Dây, tỉnh Quảng Ninh chở về Công ty nhiệt điện Thái Bình. Theo Hợp đồng số 09 nêu trên và quy định tại Thông tư số 39/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019 của Bộ Giao thông vận tải, quy định về nhiệm vụ của Thuyền trưởng, thì Vũ Đình X có trách nhiệm quản lý tàu và quản lý toàn bộ số hàng (than) trên đường vận chuyển, kết quả giao hàng ở những nơi đã quy định. Cuối năm 2019, qua các mối quan hệ, Vũ Văn S là Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại Sơn H15 (gọi tắt là Công ty Sơn H15) biết Vũ Đình X là Thuyền trưởng tàu NB 6675 vận chuyển than từ cảng Khe Dây về giao cho Công ty nhiệt điện Thái Bình nên Vũ Văn S đã gọi điện thoại, nhắn tin cho Vũ Đình X thỏa thuận về việc mua bán than, X đồng ý. Sau khi S và X thống nhất về việc mua bán than với giá 1.150.000 đồng/tấn và thống nhất khi nào có tàu chở than từ Quảng Ninh về giao cho Công ty nhiệt điện Thái Bình thì X liên lạc với Vũ Văn H1 là nhân viên của Công ty Sơn H15 biết ngày giờ, địa điểm để H1 bố trí bến bãi lấy than. Sau đó Vũ Văn S chỉ đạo Vũ Văn H1 liên lạc với Vũ Đình X để thực hiện việc mua bán than của tàu NB 6675 và giao cho Trần Mạnh H1 chuẩn bị phương tiện bốc, xúc than tại bến bãi của Công ty Sơn H15, địa chỉ: thôn Tam Đồng, xã Vũ Lăng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Sau khi thỏa thuận bán than với Vũ Văn S, để lấy than không bị phát hiện Vũ Đình X ra của hàng ở Quảng Ninh hàn 02 tuýp sắt hình "L" (01 tuýp dài 2m, 01 tuýp dài 1,3m, đến nay X không nhớ cửa hàng ở đâu). Từ tháng 01/2020 đến 11/9/2020, Vũ Đình X chỉ đạo Doãn Văn H - Thuyền phó; Đỗ Quang Th - Máy trưởng cùng một số thủy thủ của tàu 3 lần lấy than trên tàu NB 6675 bán cho Vũ Văn S với tổng khối lượng là 352,290 tấn than, trị giá 644.690.700 đồng, cụ thể:

* **Lần thứ nhất:** Ngày 09/01/2020, ông Dương Văn T - Giám đốc Công ty Dương Gi1 giao cho Vũ Đình X là Thuyền trưởng, Doãn Văn H - Thuyền phó, Đỗ Quang Th - Máy trưởng tàu NB 6675 cùng các thủy thủ (do thời gian đã lâu không nhớ được họ, tên, tuổi, địa chỉ của thủy thủ) nhận than từ cảng Khe Dây, tỉnh Quảng Ninh về giao cho Công ty nhiệt điện Thái Bình. Tại cảng Khe Dây sau khi

rót than vào 2 sà lan, cán bộ Trung tâm giám định lấy mẫu để kiểm tra chất lượng than và đo mớn nước để xác định khối lượng than. Sau đó các thủy thủ kéo bạt phủ kín các thành sà lan, luồn cáp cố định để kẹp chì. Cùng ngày theo thỏa thuận giá cả mua than từ trước giữa Vũ Đình X và Vũ Văn S. Ngày 10/01/2020, S chuyển vào tài khoản số 8001205064491 của Vũ Đình X mở tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh trả trước số tiền 24.000.000 đồng. Ngày 10/01/2020, Tổng Công ty than Đông B xuất hóa đơn giá trị gia tăng với tổng khối lượng là 4.087,42 tấn than và giấy vận chuyển giao cho Vũ Đình X. Vũ Đình X chỉ đạo cho tàu chạy về giao than cho Công ty nhiệt điện Thái Bình. Trên đường đi người của Công ty Sơn H15 gọi điện nói cho X giao hàng tại bến bãi của Công ty Sơn H15 ở thôn Tam Đồng, xã Vũ Lăng, huyện Tiền Hải. Khi đi vào sông Lạch Tray, thuộc địa phận thành phố Hải Phòng, X chỉ đạo H cắt dây cáp kẹp chì, các thủy thủ kéo lưới, kéo bạt dùng 02 tuýp sắt hình chữ "L" (01 tuýp dài 2m, 01 tuýp dài 1,3m) cắm sâu vào khoang hàng cách nhau khoảng 40cm kết nối với máy bơm lần lượt bơm nước vào 2 sà lan trong thời gian khoảng 3 giờ để tăng khối lượng than. Xong việc, X chỉ đạo cho các thuyền viên trên tàu lại kéo lưới, kéo bạt và tiếp tục chạy về Công ty nhiệt điện Thái Bình. Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 15/01/2020, tàu cập bến bãi của Công ty Sơn H15, Trần Mạnh H1 chỉ đạo Nguyễn Văn L2 là nhân viên Công ty Sơn H15 lấy máy xúc, xúc than (xúc hớt ngọn) từ tàu lên 02 xe ô tô biển kiểm soát 17C-111.63, 17C-111.88 của Công ty TNHH vận tải Giang Ninh do anh Mai Đình T, anh Mai Đức Thâu lái xe chở đến Trạm cân điện tử Trà Lý cân xác định khối lượng than rồi quay lại đổ xuống bãi của Công ty Sơn H15 được tổng 135,290 tấn than, trị giá 247.580.700 đồng. Sau khi lấy than xong, X chỉ đạo các thủy thủ kéo lưới, kéo bạt, nối lại dây cáp kẹp chì tiếp tục đi về cảng Công ty nhiệt điện Thái Bình. Sáng ngày 15/01/2020, tàu cập cảng Công ty nhiệt điện Thái Bình, lấy mẫu giám định đến ngày 16/01/2020 giao hàng, gồm: Đại diện Công ty cổ phần than Sông H5 ông Tạ Đức Ch, đại diện Công ty nhiệt điện Thái Bình ông Nguyễn Quang Thắng, ông Dương Thanh T1, ông Võ Sỹ Tùng, đại diện đơn vị vận tải Vũ Đình X. Cùng ngày, Vũ Văn S đưa cho Nguyễn Thị D - Kế toán Công ty Sơn H15 129.000.000 đồng để trả Vũ Đình X tại khu vực cảng Công ty nhiệt điện Thái Bình. Số tiền này, Vũ Đình X chia cho X 30.000.000 đồng, H 10.000.000 đồng, Th 4.000.000 đồng, các thủy thủ từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng và chi tiêu chung sinh hoạt trên tàu.

Ngày 15/01/2021, Trần Mạnh H1 liên hệ với ông Ngô Việt H7 - Phó Giám đốc phân xưởng gạch Tuynel Tây Tiến, huyện Tiền Hải bán 13,5 tấn than được 22.950.000 đồng. Ngày 16/01/2020, bán cho anh Phạm Việt Thái, sinh năm 1987, trú tại xã Đông Quý, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình 68,040 tấn than được 95.256.000 đồng.

*** Lần thứ hai:** Ngày 28/6/2020, ông Dương Văn T - Giám đốc Công ty Dương Gi1 giao Vũ Đình X - Thuyền trưởng, Doãn Văn H - Thuyền phó, Đỗ

Quang Th - Máy trưởng tàu NB 6675 cùng các thủy thủ: Trần Văn Đ, Đào Văn O, Trần Văn L nhận than từ cảng Khe Dây, tỉnh Quảng Ninh về giao cho Công ty nhiệt điện Thái Bình. Tại cảng Khe Dây, sau khi rót than đầy vào hai sà lan, Cán bộ Trung tâm giám định lấy mẫu để kiểm tra chất lượng than và đo mớn nước để xác định khối lượng than. Sau đó các thủy thủ kéo bạt phủ kín các thành sà lan, luồn cáp cố định để kẹp chì. Ngày 29/6/2020, Tổng công ty than Đông B xuất hóa đơn giá trị gia tăng với tổng khối lượng là 4.058,67 tấn than và giấy vận chuyển giao cho Doãn Văn H. Vũ Đình X chỉ đạo cho tàu chạy về giao than cho Công ty nhiệt điện Thái Bình. Trên đường đi, X gọi điện thoại cho Vũ Văn H1, theo hướng dẫn của H1, X cập bến bãi của Công ty Hoàng K, tại Km 29, đê Trà Lý, thôn Đình Phùng, xã Vũ Đông, thành phố Thái Bình (do trước đó Vũ Văn H1 gọi điện liên hệ bán than cho Bùi Ngọc K - Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng K (gọi tắt là Công ty Hoàng K) bán than với giá 1.350.000 đồng/tấn, được K đồng ý) quá trình thỏa thuận, H1 không nói và K cũng không biết nguồn gốc than do trộm cắp mà có. Khi đi vào sông Lạch Tray, thuộc địa phận thành phố Hải Phòng, X chỉ đạo H cắt dây cáp kẹp chì, các thủy thủ kéo lưới, kéo bạt dùng 02 tuýp sắt hình chữ "L" (01 tuýp dài 2m, 01 Tuýp dài 1,3m) cắm sau vào khoang hàng cách nhau khoảng 40cm kết nối với máy bơm lần lượt bơm nước vào 2 sà lan trong thời gian khoảng 3 giờ để tăng khối lượng than. Xong việc, X chỉ đạo cho các thuyền viên trên tàu lại kéo lưới, kéo bạt và tiếp tục chạy về Công ty nhiệt điện Thái Bình. Khoảng 09 giờ ngày 03/7/2020, tàu cập bến bãi của Công ty Hoàng K. Bùi Ngọc K lái máy xúc than (xúc hớt ngọn) từ tàu lên 02 xe ô tô biển kiểm soát 16M-6540 của Công ty Hoàng K và xe ô tô 17C-02477 của anh Lê Thanh Hải, sinh năm 1984, trú tại xã Đông Hoàng, huyện Đông H1, tỉnh Thái Bình lái xe lần lượt từng chuyến qua cân điện tử của Công ty Hoàng K được tổng cộng 66,9 tấn than. Do than rơi vãi nhiều nên H1 và K thống nhất khối lượng than đã xúc 70 tấn, trị giá 128.000.000 đồng. Sau khi xúc than xong, X chỉ đạo các thủy thủ kéo lưới, kéo bạt, nối lại dây cáp kẹp chì tiếp tục đi về cảng Công ty nhiệt điện Thái Bình. Bùi Ngọc K trả cho Vũ Văn H1 số tiền 94.500.000 đồng. Vũ Văn H1 trả cho X 80.500.000 đồng, số tiền còn lại 14.000.000 đồng H1 đưa cho D để chuyển lại cho S. Sáng ngày 04/7/2020, tàu cập cảng Công ty nhiệt điện Thái Bình, Nguyễn Viết C cán bộ Trung tâm kiểm định Vinacontrol lấy mẫu giám định. Đến ngày 07/7/2020 giao hàng, gồm: Đại diện Công ty cổ phần than Sông H5 ông Tạ Đức Ch, đại diện Công ty nhiệt điện Thái Bình ông Nguyễn Quang Thắng, ông Dương Thanh T1, ông Võ Sỹ Tùng, đại diện đơn vị vận tải Doãn Văn H, số lượng giao 4.037,29 tấn than. Số tiền bán than X chia cho X 30.000.000 đồng, H 10.000.000 đồng, Th 5.000.000 đồng, Đ 2.500.000 đồng, L, O mỗi người 2.000.000 đồng, số tiền còn lại X để chi tiêu sinh hoạt trên tàu.

*** Lần thứ ba:** Ngày 07/9/2020, ông Dương Văn T - Giám đốc Công ty Dương Gi1 giao Vũ Đình X - Thuyền trưởng, Doãn Văn H - Thuyền phó, Đỗ Quang Th - Máy trưởng tàu NB 6675 cùng các thủy thủ: Trần Văn Đ, Đào Văn O, Trần Văn L, Nguyễn Xuân Đ1, Trần Văn Q để nhận than từ cảng Khe Dây,

tỉnh Quảng Ninh về giao cho Công ty nhiệt điện Thái Bình. Tại cảng Khe Dây, sau khi rót than đầy vào 2 sà lan, Cán bộ Trung tâm giám định lấy mẫu để kiểm tra chất lượng than và đo mớn nước để xác định khối lượng than. Sau đó các thủy thủ kép bạt phủ kín các thành sà lan, luồn cáp cố định để kẹp chì. Ngày 08/9/2020, Tổng Công ty than Đông B xuất hóa đơn giá trị gia tăng với tổng khối lượng 4.005,12 tấn than và giấy vận chuyển giao cho Vũ Đình X. Ngày 07/9/2020, S chuyển khoản 50.000.000 đồng ứng trước theo yêu cầu của X. S chủ động nhắn tin cho X với nội dung *"Chuyến này được khoảng 160 tấn ko"*, *"uh"*, *"lấy cố được 160 thì đẹp, đủ 2 xe"*, X nhắn *"Mai em báo lại đầu trong chưa báo lại"*. Ngày 07/9/2020, nhận hàng xong, Vũ Đình X cho tàu chạy về giao than cho Công ty nhiệt điện Thái Bình. Trên đường đi, X gọi điện thoại cho Vũ Văn H1, theo hướng dẫn nói cập bến bãi Công ty Hoàng K, (do trước đó Vũ Văn H1 gọi điện thoại bán than cho Bùi Ngọc K với giá đã thỏa thuận lần trước). Khi đi vào sông Lạch Tray, thuộc địa phận thành phố Hải Phòng, X chỉ đạo H cắt dây cáp kẹp chì, các thủy thủ kéo lưới, kéo bạt dùng 02 tuýp sắt hình chữ "L" (01 tuýp dài 2m, 01 tuýp dài 1,3m) cắm sâu vào khoang hàng cách nhau khảng 40cm kết nối với máy bơm lần lượt bơm nước vào 2 sà lan trong thời gian khoảng 3 giờ để tăng khối lượng than. Xong việc, X chỉ đạo cho các thuyền viên trên tàu kéo lưới, kéo bạt và tiếp tục chạy về Công ty nhiệt điện Thái Bình. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 11/9/2020, tàu cập bến của Công ty Hoàng K. Bùi Ngọc K lái máy xúc xúc than từ tàu lên 02 xe ô tô biển kiểm soát 16M-6540 và xe ô tô 17C-02477 do anh Lê Thanh Hải lái xe lần lượt từng chuyến qua cân điện tử của Công ty Hoàng K được tổng 151,540 tấn than, do than ướt nên H1 và K cãi nhau, H1 nói là trừ theo tiêu chuẩn của Công ty nhiệt điện Thái Bình, sau đó thống nhất khối lượng 147 tấn than, trị giá 269.010.000 đồng. Qua đấu tranh K khai nhận, do cãi nhau, thấy than ướt và chỉ xúc than những chỗ theo chỉ đạo của H1, lúc này K mới biết là than do nhóm H1 trộm cắp mà có. Bùi Ngọc K trả cho H1 198.000.000 đồng, H1 thống nhất trả cho X 169.000.000 đồng. Số tiền nhận của K, H1 giữ lại 15.000.000 đồng, còn 183.000.000 đồng đưa cho D, D ra cảng Công ty nhiệt điện Thái Bình đưa cho H 110.000.000 đồng (do đã trừ 50.000.000 đồng ứng trước, 9.000.000 đồng X nợ H1). Chiều ngày 11/9/2020, tàu cập cảng Công ty nhiệt điện Thái Bình, Nguyễn Viết C cán bộ Trung tâm kiểm định Vinacontrol lấy mẫu giám định. Đến ngày 14/9/2020 giao hàng, gồm: Đại diện Công ty cổ phần than Sông H5 ông Tạ Đức Ch, đại diện Công ty nhiệt điện Thái Bình ông Nguyễn Quang Thắng, ông Dương Thanh T1, ông Võ Sỹ Tùng, đại diện đơn vị vận tải Doãn Văn H, số lượng giao 3.972,23 tấn than. Sau khi nhận tiền X chia cho X 30.000.000 đồng, H 20.000.000 đồng, Th 5.000.000 đồng, L 3.000.000 đồng, Đ 2.500.000 đồng, Quang, Đ1, O mỗi người 2.000.000 đồng, số tiền còn lại X để chi tiêu sinh hoạt trên tàu.

Đến ngày 22/9/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình phát hiện tiến hành khám xét, quản lý của Công ty Hoàng K 209.390 tấn than, 01 máy

xúc nhãn hiệu Komatshu, 01 xe ô tô tải biển kiểm soát 16M-6540, 01 cây máy tính nhãn hiệu Gipco.

Kết luận giám định số 6626A/C09-P4 ngày 25/9/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận *"Mẫu chất rắn hạt nhỏ màu đen thu tại đống số I (ký hiệu IA) giám định là than đá"*.

Kết luận giám định số 6626B/C09-P4 ngày 28/9/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kết luận *"Các mẫu chất rắn hạt nhỏ màu đen ghi thu tại đống số I (ký hiệu IB, IC), đống số II (ký hiệu II), đống số III (ký hiệu III) gửi giám định đều là than đá"*.

Kết luận giám định số 02/KLGĐTL-PC09 ngày 13/01/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận *"Chữ ký, chữ viết mang tên Trần Mạnh H1 dưới mục "Chữ ký người nhận" trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A10 so với chữ ký, chữ viết của Trần Mạnh H1 trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M5 do cùng một người ký, viết ra"*.

Kết luận định giá tài sản số 08/KLĐG-HDĐG ngày 25/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thái Bình, kết luận: *"Giá trị than cám loại 5a.1 với tổng khối lượng là 209,390 tấn x 1.830.000 đồng/tấn = 383.183.700 đồng"*.

Kết luận định giá tài sản số 09/KLĐG-HDĐG ngày 08/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thái Bình, kết luận: *"Giá trị than cám loại 5a.1 với tổng khối lượng là 135,290 tấn x 1.830.000 đồng/tấn = 247.580.700 đồng"*.

Cáo trạng số 38/CT-VKSTB ngày 31/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình truy tố các bị cáo Vũ Đình X, Vũ Văn S, Doãn Văn H, Đỗ Quang Th, Vũ Văn H1 về tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Trần Văn L, Trần Văn Đ, Đào Văn O về tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Trần Ngọc Q, Nguyễn Xuân Đ1, Trần Mạnh H1 về tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Bùi Ngọc K về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2022/HS-ST ngày 04/4/2022 Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Vũ Đình X, Vũ Văn S, Doãn Văn H, Đỗ Quang Th, Vũ Văn H1, Trần Văn L, Trần Văn Đ, Đào Văn O, Trần Ngọc Q, Nguyễn Xuân Đ1, Trần Mạnh H1 phạm tội "Tham ô tài sản". Bị cáo Bùi Ngọc K phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

Áp dụng điểm a khoản 3, khoản 6 Điều 353, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật

Hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Đình X 17 (mười bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2020.

Áp dụng điểm a khoản 3, khoản 6 Điều 353, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Văn S 15 (mười lăm) năm tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù tại Bản án số 64/2021/HSST ngày 28/10/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình. Buộc bị cáoVũ Văn S phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 16 (mười sáu) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Áp dụng điểm a khoản 3, khoản 6 Điều 353, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Doãn Văn H 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2020.

Áp dụng điểm a khoản 3, khoản 6 Điều 353, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đỗ Văn Th 13 (mười ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2020.

Áp dụng điểm a khoản 3, khoản 6 Điều 353, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Văn H1 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/9/2020.

Áp dụng điểm c, d khoản 2, khoản 6 Điều 353, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn L 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2020.

Áp dụng điểm c, d khoản 2, khoản 6 Điều 353, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2020.

Áp dụng điểm c, d khoản 2, khoản 6 Điều 353, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đào Văn O 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2020.

Áp dụng điểm d khoản 2, khoản 6 Điều 353, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Điều 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2020.

Áp dụng điểm d khoản 2, khoản 6 Điều 353, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Ngọc Q 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2020.

Áp dụng điểm d khoản 2, khoản 6 Điều 353, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Mạnh H1 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2020.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 323, điểm b, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Ngọc K 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời hạn đã tạm giam từ ngày 26/9/2020 đến ngày 29/4/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo:

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Buộc các bị cáo Vũ Đình X, Doãn Văn H, Đỗ Quang Th, Trần Văn Đ, Trần Văn L, Đào Văn O, Nguyễn Xuân Đ1, Trần Ngọc Q phải bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Dương Gia 261.507.000 đồng (trị giá 142,9 tấn than). Kỷ phần phần của từng bị cáo như sau: Bị cáo Vũ Đình X 121.507.000 đồng, bị cáo Doãn Văn H 50.000.000 đồng, bị cáo Đỗ Quang Th 30.000.000 đồng, bị cáo Trần Văn L 15.000.000 đồng, bị Trần Văn Đ 15.000.000 đồng, bị cáo Đào Văn O 10.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Xuân Đ1 10.000.000 đồng, bị cáo Trần Ngọc Q 10.000.000 đồng.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Dương Gi1 bồi thường cho Công ty cổ phần thương mại Trưng V1 261.507.000 đồng. Công ty cổ phần thương mại Trưng V1 bồi thường cho Công ty cổ phần than Sông H5 261.507.000 đồng. Công ty cổ phần than Sông H5 bồi thường cho Tổng công ty Đông B 261.507.000 đồng và Tổng công Đông B bồi thường cho Công ty nhiệt điện Thái Bình 261.507.000 đồng.

Buộc bị cáo Vũ Văn S phải bồi thường cho bị cáo Bùi Ngọc K 94.500.000 đồng (trị giá 70 tấn than).

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 05/4/2022, bị cáo Trần Mạnh H1 kháng cáo kêu oan.

Ngày 13/4/2022, bị cáo Bùi Ngọc K kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 15/4/2022, các bị cáo Vũ Đình X, Đào Văn O, Trần Ngọc Q kháng cáo xin giảm hình phạt; các bị cáo Vũ Văn S, Vũ Văn H1 kháng cáo kêu oan.

Ngày 18/4/2022, bị cáo Doãn Văn H kháng cáo xin giảm hình phạt.

Ngày 15/4/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 06/QĐ-VKSTB đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm hình phạt cho các bị cáo Doãn Văn H, Trần Văn Đ, Đào Văn O, Nguyễn Xuân Đ1, Trần Ngọc Q, giảm hình phạt và cho bị cáo Bùi Ngọc K được hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự, buộc các bị cáo bồi thường thiệt hại cho người bị hại và tài sản chiếm đoạt cho người bị hại là Công ty Dương Gi1, trong trường hợp người bị hại không nhận lại tài sản bị chiếm đoạt cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước theo quy định; về xử lý vật chứng: cần tịch thu 01 máy xúc nhãn hiệu Komatshu của Công ty Sơn H15 để hóa giá sung vào ngân sách Nhà nước.

Ngày 28/4/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Tập đoàn điện lực Việt Nam kháng cáo bản án sơ thẩm.

Ngày 21/02/2023, bị cáo Trần Ngọc Q có đơn xin rút đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Vũ Văn S, Vũ Văn H1, Trần Mạnh H1 vẫn giữ nguyên kháng cáo kêu oan cho rằng không phạm tội "Tham ô tài sản" và đề nghị Hội đồng xét xử minh oan cho các bị cáo.

Bị cáo Vũ Đình X vẫn giữ nguyên kháng cáo, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm quy kết và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ để giảm hình phạt cho bị cáo.

Các bị cáo Doãn Văn H, Đào Văn O vẫn giữ nguyên kháng cáo, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm quy kết và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình để giảm hình phạt cho các bị cáo.

Bị cáo Bùi Ngọc K vẫn giữ nguyên kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ, chấp nhận kháng cáo của bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình để giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo Trần Văn Đ, Trần Văn L, Nguyễn Xuân Đ1, Trần Ngọc Q thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình để giảm hình phạt cho các bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của Tập đoàn điện lực Việt Nam vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của Tập đoàn điện lực Việt Nam.

Người bào chữa cho các bị cáo X, H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, lần đầu phạm tội, hoàn cảnh gia đình khó khăn để giảm một phần hình phạt cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Văn S đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về thẩm quyền điều tra, truy tố và xét xử vụ án.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Văn H1 có quan điểm: Cho đến thời điểm này Công ty nhiệt điện Thái Bình xác định không bị thiệt hại. Trong vụ án này bị cáo H1 và các bị cáo khác bị truy tố về tội "Tham ô tài sản" nhưng không xác định được người bị hại, do vậy chưa đủ căn cứ kết tội bị cáo H1.

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Ngọc K đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo phạm tội do bị động, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, từng có thời gian tham gia quân đội, gia đình bị cáo có công với cách mạng, bố bị cáo là lão thành cách mạng và là thuyền trưởng của tàu không số, được tặng thưởng nhiều huân huy chương, bị cáo đã khắc phục bồi thường toàn bộ thiệt hại. Do bị

cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự, giảm hình phạt và cho bị cáo K được hưởng án treo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Tập đoàn điện lực Việt Nam có quan điểm: Công ty nhiệt điện Thái Bình không bị thiệt hại và không yêu cầu bồi thường nên Bản án sơ thẩm tuyên Tổng Công ty Đông B bồi thường cho Công ty nhiệt điện Thái Bình 261.507.000 đồng là không đúng. Khối lượng than các bị cáo vợi bớt ra bán cho Vũ Văn S không thuộc quyền sở hữu của Công ty nhiệt điện Thái Bình nên không có căn cứ buộc Công ty nhiệt điện Thái Bình phải nhận lại khối lượng than này, khối lượng than thất thoát trong quá trình vận chuyển thuộc trách nhiệm của bán và bên vận chuyển. Bản án sơ thẩm kiến nghị Tập đoàn điện lực Việt Nam khắc phục sơ hở trong việc quản lý nguyên liệu nhập vào Công ty nhiệt điện Thái Bình tránh việc thất thoát gây thiệt hại cho Nhà nước là không có căn cứ. Bản án sơ thẩm kiến nghị xem xét trách nhiệm trách nhiệm của Tập đoàn điện lực Việt Nam về việc ban hành văn bản đồng thuận với Công ty nhiệt điện Thái Bình về việc xử lý tài sản đối với khối lượng than là tang vật vụ án là không đúng với nội dung các văn bản của Tập đoàn điện lực Việt Nam vì cơ quan điều tra giao cho Công ty nhiệt điện Thái Bình tạm giữ số lượng than đó nên Công ty nhiệt điện Thái Bình có trách nhiệm đề nghị xử lý để đảm bảo chất lượng than là đúng. Do đó, cần phải xem xét hủy bỏ nội dung kiến nghị này để không làm ảnh hưởng đến uy tín của Tập đoàn điện lực Việt Nam. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Tập đoàn điện lực Việt Nam.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo Vũ Văn S, Vũ Văn H1, Trần Mạnh H1 đề nghị Hội đồng xét xử minh oan cho các bị cáo; các bị cáo Vũ Đình X, Doãn Văn H, Trần Văn Đ, Trần Văn L, Đào Văn O, Nguyễn Xuân Đ1, Trần Ngọc Q đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho các bị cáo; bị cáo Bùi Ngọc K đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, các cơ quan, người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Việc ban hành các quyết định tố tụng đúng quy định của pháp luật. Các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Kháng cáo của các bị cáo Vũ Đình X, Vũ Văn S, Doãn Văn H, Vũ Văn H1, Đào Văn O, Trần Mạnh H1, Bùi Ngọc K; Tập đoàn điện lực Việt Nam và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình trong hạn luật định, đủ điều kiện xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Bị cáo Trần Ngọc Q có kháng cáo xin giảm hình phạt, tuy nhiên ngày 21/02/2023, bị cáo Q đã có đơn xin rút đơn kháng cáo. Do vậy Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Q.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã rút một phần Quyết định kháng nghị số 06/QĐ-VKSTB ngày 15/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình về phần trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng của bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung này của kháng nghị.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Vũ Đình X, Doãn Văn H, Đỗ Quang Th, Trần Văn Đ, Trần Văn L, Đào Văn O, Nguyễn Xuân Đ1, Trần Ngọc Q, Bùi Ngọc K khai nhận: Bị cáo X là Thuyền trưởng tàu NB 6675 được ông Dương Văn T - Giám đốc Công ty Dương Gi1 giao nhiệm vụ nhận hàng (than) từ cảng Khe Dây, tỉnh Quảng Ninh của Tổng Công ty Đông B về giao cho Công ty nhiệt điện Thái Bình. Quá trình vận chuyển Vũ Đình X có trách nhiệm điều hành tàu và cùng với các thủy thủ trên tàu quản lý toàn bộ số hàng (than) đã được niêm phong, kẹp chì trên đường vận chuyển. Cuối năm 2019, Vũ Văn S biết X được giao nhiệm vụ vận chuyển than từ cảng Khe Dây, tỉnh Quảng Ninh về giao cho Công ty nhiệt điện Thái Bình, S đã chủ động liên hệ, thỏa thuận, hứa hẹn với X mua than trên tàu NB 6675 (do X với các thuỷ thủ được giao quản lý) với giá 1.150.000 đồng/tấn và X đồng ý. Từ tháng 01/2020 đến ngày 11/9/2020, sau khi nhận than trên đường vận chuyển than về giao cho Công ty nhiệt điện Thái Bình, X chỉ đạo Doãn Văn H (Thuyền phó) cắt dây cáp kẹp chì, các thủy thủ trên tàu kéo lưới, kéo bạt, cắm ống bơm nước vào các khoang sà lan chứa than để tăng khối lượng sau đó cùng với nhân viên của S 03 lần lấy than trên tàu NB 6675 được giao vận chuyển về cho Công ty nhiệt điện Thái Bình bán cho S 352,290 tấn than, trị giá 644.690.700 đồng, cụ thể: Ngày 15/01/2020, tại bến bãi Công ty Sơn H15 ở xã Vũ Lăng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, X chỉ đạo Doãn Văn H, Đỗ Quang Th và một số thủy thủ (do lâu ngày không xác định được tên, tuổi, địa chỉ) lấy 135,290 tấn than bán cho Vũ Văn S được số tiền 153.000.000 đồng. Trong đó Vũ Văn H1 liên hệ với X hướng dẫn tàu cập bến Công ty Sơn H15, Trần Mạnh H1 được Sơn và H1 chỉ đạo chuẩn bị phương tiện máy xúc để xúc than. Ngày 03/7/2020, sau khi được H1 hướng dẫn, X cho tàu cập bến bãi Công ty Hoàng K ở xã Vũ Đông, thành phố Thái Bình. Tại đây, X, H, Th, L, Đ, O lấy 70 tấn than bán cho S được số tiền 80.500.000 đồng. S bán lại cho Bùi Ngọc K được số tiền 94.500.000 đồng. H1 nhận của K 94.500.000 đồng, H1 đưa cho X 80.500.000 đồng, còn lại 14.000.000 đồng đưa cho S. Ngày 11/9/2020, sau khi được H1 hướng dẫn, X cho tàu cập bến bãi Công ty Hoàng K. Tại đây, X chỉ đạo H, Th, L, Đ, O, Q và Đ1 lấy 147 tấn than bán cho S được số tiền 169.000.000 đồng. Bị cáo H1 bán 147 tấn than cho bị cáo K được số tiền 198.000.000 đồng. Lần mua than này, K biết số than H1 bán cho là do các thủy trên tàu của X phạm tội mà có. Số tiền nhận của K, H1 giữ lại 15.000.000 đồng còn 183.000.000 đồng đưa cho chị Nguyễn Thị

D (kế toán Công ty Sơn H15), chị D ra cảng Công ty nhiệt điện Thái Bình đưa cho H 110.000.000 đồng (do đã trừ 50.000.000 đồng ứng trước, 9.000.000 đồng X nợ H1). Số tiền bán than X chia cho các thủy thủ và để chi tiêu sinh hoạt trên tàu.

Tại phiên tòa Vũ Văn S khai không liên hệ với Vũ Đình X để mua than do tàu X chở cho Công ty nhiệt điện Thái Bình mà chỉ liên hệ mua than thừa, than do X mua thêm của tàu X chở từ Quảng Ninh về Thái Bình, S không biết X bơm nước vào than làm tăng khối lượng than để bán cho S.

Tại phiên tòa Vũ Văn H1 và Trần Mạnh H1 khai các bị cáo không biết S liên hệ, thoả thuận với X mua than của Công ty nhiệt điện Thái Bình, các bị cáo là nhân viên Công ty Sơn H15 nên chỉ thực hiện theo chỉ đạo, phân công của S - Giám đốc Công ty, chuyến ngày 11/9/2020, H1 mới biết than X bán là than của Công ty nhiệt điện Thái Bình. H1 chỉ tham gia mua bán than với X 02 chuyến ngày 03/7/2020 và chuyến ngày 11/9/2020, không tham gia mua bán than với X chuyến ngày 15/01/2020.

Tuy Vũ Văn S, Vũ Văn H1, Trần Mạnh H1 không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng qua lời khai của các bị cáo có trong hồ sơ thể hiện:

Lời khai ngày 17/12/2020, Vũ Văn S khai " *...Sau đó tôi có gọi điện thoại cho X hỏi giá bán than là bao nhiêu thì X bảo giá 1.150.000 đồng/tấn than, tôi hỏi X có hoá đơn chứng từ gì không thì X bảo không có hóa đơn chứng từ gì than X bán là lấy trên tàu chở thuê từ cảng Quảng Ninh về cập vào Nhà máy nhiệt điện Thái Bình. Tôi đồng ý mua than của X, X yêu cầu tôi ứng tiền trước mỗi chuyến. Sau đó tôi giao cho H1 theo dõi mảng than, H1 theo dõi cân và báo số lượng cho tôi để tôi báo số lượng cho D để D theo dõi"*. Lời khai ngày 18/12/2020 S khai *"...Tôi và X thống nhất với nhau khi nào tàu NB 6675 chở than từ Quảng Ninh về cấp than vào Nhà máy nhiệt điện Thái Bình có than bán cho tôi thì X sẽ liên lạc với tôi thông báo trước để tôi chuyển khoản tạm ứng tiền trước cho X và X sẽ báo cụ thể ngày tàu về bến Thái Bình để tôi bố trí người đón tàu và chuẩn bị xúc than... Sau khi được X thông báo số lượng than bán, ngày về Thái Bình tôi giao cho Vũ Văn H1 có trách nhiệm đón tàu về, Trần Mạnh H1 có trách nhiệm chuẩn bị phương tiện máy móc, xe ô tô để xúc than từ các xà lan lên xe chở đi cân, sau đó anh H1 thông báo cho anh H1 biết số lượng cân than của tàu NB 6675. Sau khi mua than của X đổ ở bến Vũ Lăng, Tiền Hải việc giao dịch đi bán than do H1 thực hiện ...Việc tìm khách mua than tôi giao cho anh H1, anh H1, tôi không rõ ai mua*". Lời khai của bị cáo S phù hợp với lời khai của chị Nguyễn Thị D "*Việc mua bán than của Công ty Sơn H15 được S giao cho H1 và H1... Chị được S giao nhiệm vụ thống kê, theo dõi số liệu than mua vào bán ra... trong đó có 6 lần S yêu cầu chị chuyển tiền mua than cho X gồm đưa trực tiếp và chuyển khoản..."*. Phù hợp với lời khai của bị cáo Vũ Văn H1 *"Cuối năm 2019 anh S đã thỏa thuận được một số tàu than cám từ Quảng Ninh mang về cấp vào Nhà máy nhiệt điện Thái Bình trên đường về Thái Bình thì xúc than bán cho các chủ bãi ven sông Trà Lý Thái Bình. Thời điểm này tôi đã được anh S chỉ đạo lấy số điện thoại di động của*

thuyền trưởng các tàu để liên lạc với họ khi nào tàu của họ chở than về Thái Bình mà anh S đã liên lạc được các chủ bãi mua than hoặc anh S đưa cho tôi số điện thoại của chủ bãi để tôi liên lạc với họ mua than của các tàu chở về Thái Bình. Nếu các chủ bãi không mua thì S giao cho H1 chịu trách nhiệm điều xe ô tô của nơi khác đến bãi Công ty Sơn H15 để vận chuyển than đi cân bán và bán cho các bãi trên địa bàn huyện Thái Thụy, Kiến Xương. Tôi có trách nhiệm nhận than từ tàu lên các bãi và anh H1 có trách nhiệm theo dõi số lượng cân than từ tàu lên bãi hoặc đi cân tại trạm cân Trà Lý về báo với anh S để anh S biết. Tôi và anh H1 được anh S thông báo cho chúng tôi biết thời điểm các tàu chở than từ Quảng Ninh về Thái Bình chúng tôi sẽ kết hợp với nhau để bán than cho các bãi kinh doanh bên sông Trà Lý. Tôi và anh H1 được anh S giao nhiệm vụ thực hiện giao dịch với các thuyền trưởng để mua than sau đó chúng tôi tìm mối bán lại số than đó.... Sau khi được anh S cho số điện thoại của X, tôi đã trực tiếp liên lạc gọi điện cho anh X, khi nào có tàu chở than về Nhà máy nhiệt điện Thái Bình thì anh X thông báo trước cho tôi để tôi chuẩn bị phương tiện xe tải xúc trộm than và vận chuyển than từ xà lan đẩy lên bờ đồng thời thông báo địa điểm để xà lan tàu đẩy cập bến bốc dỡ than… Cả hai lần mua than của anh X đều là than cám, chủng loại 5.1, lý do tôi biết được than anh X bán cho tôi là than 5.1 và cả hai lần mua than của anh X tôi đều lên tàu xem chứng thư giám định chất lượng than, do anh X đưa chứng thư cho chúng tôi xem có ghi rõ than tàu xà lan do anh X chở là than cám 5.1… Qua chứng thư anh X cho chúng tôi xem, thì tôi được biết than anh X chở cho Công ty Đông B từ Quảng Ninh về Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình, trong quá trình vận chuyển cho Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình tôi đã thỏa thuận, thống nhất với anh X lấy trộm 1 phần bán cho tôi, đây không phải là than của X mà là than của Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình… để tránh phát hiện tôi thống nhất với anh X chỉ bớt ra một phần gọi là "than hớt ngọn" để làm sao vẫn đảm bảo khối lượng còn lại chuyển về Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình không bị phát hiện… Lý do biết than của Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình nhưng vẫn thỏa thuận mua than của X vì tôi làm cho anh S đã lâu, là anh em thân thiết nên khi anh S cho số điện thoại bảo tôi chủ động thỏa thuận mua bán than tôi vẫn thực hiện mặc dù biết vi phạm..." Phù hợp với lời khai của bị cáo Trần Mạnh H1 *"... Những tàu chở than về Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình anh S đã móc nối với các chủ tàu sau đó anh S trao đổi cụ thể với anh H1 về số điện thoại của các chủ tàu, giá cả than và khi tàu cập bến tại xã Vũ Lăng thì thực hiện việc bốc trộm than lên bãi. Việc này sau khi anh S trao đổi với anh H1 thì anh H1 đã trao đổi cụ thể lại với tôi nên tôi biết than bốc trộm trên các tàu là than chở cho Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình và hành vi bốc than xuống bãi là hành vi trộm cắp than. Việc trộm cắp than tôi tham gia nhiều lần dưới sự chỉ đạo của anh S. Các lần giao dịch bốc than anh H1 đều chụp ảnh Chứng thư giám định than do thuyền trưởng cung cấp cho tôi xem. Trên chứng thư thể hiện cụ thể về hàng hóa trên tàu được bốc ở đâu, số liệu là bao nhiêu, độ ẩm của than và số lượng than được chở đến đâu để dỡ hàng. Chính vì xem Chứng thư giám định này tôi biết được than trên tàu chở đến Nhà máy Nhiệt*

điện Thái Bình. Vì than chở về Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình trong khi đó tàu than lại chở đến bến bãi các cá nhân sau đó bốc dỡ than xuống bãi tôi xác định đây là hành vi ăn trộm. Ngoài ra trong quá trình bốc than xuống bãi, chủ tàu lại chỉ từng vị trí để xúc than theo kinh nghiệm của tôi như vậy là ăn trộm than…" Phù hợp với lời khai của bị cáo Vũ Đình X *"... Khoảng cuối năm 2019 tôi nhận được cuộc điện thoại của anh S nội dung trao đổi, anh S biết tôi đang là thuyền trưởng xà lan đẩy chở than cho Nhà máy nhiệt điện Thái Bình nên đề nghị mỗi lần hàng than về thì để bán lại cho S... Lúc này anh S đã cho tôi số điện thoại của anh H1 đồng thời trao đổi cứ trực tiếp thực hiện với anh H1. Theo thỏa thuận tôi và anh S không nói rõ là sẽ trộm than nhưng cả hai bên đều hiểu hành vi thực hiện là lấy trộm than của Công ty Đông B đưa về cho Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình… hai người này đặt vấn đề hợp tác cùng tôi trộm than trong đó anh H1 là người trực tiếp hướng dẫn tôi đưa tàu chở than vào các bãi xúc trộm than còn anh S là người chỉ đạo anh H1… các lần bán than cho anh H1, anh S, anh H1 đều yêu cầu tôi cho xem chứng thư giám định than để anh H1 biết được chủng loại và số lượng than…".* Ngoài ra chuyến ngày 11/9/2020, S còn chủ động nhắn tin cho X với nội dung *"Chuyến này được khoảng 160 tấn ko","ui", "lấy cố được 160 thì đẹp, đủ 2 xe"* thể hiện mặc dù biết nguồn gốc than X chở về giao cho Công ty nhiệt điện Thái Bình nhưng S vẫn chủ động liên lạc, nhắn tin bảo X lấy than bán cho S. Không có tài liệu, lời khai nào của các bị cáo thể hiện bị cáo X mua thêm than ở bên ngoài để bán cho S và tại phiên toà X và đại diện Công ty Dương Gi1 khai nếu khối lượng than vượt quá trọng tải của xà lan thì Cảng vụ không cho tàu thông quan nên không có căn cứ xác định X mua thêm than để bán cho S.

Như vậy, lời khai nhận tội của các bị cáo Vũ Đình X, Doãn Văn H, Đỗ Quang Th, Trần Văn Đ, Trần Văn L, Đào Văn O, Nguyễn Xuân Đ1, Trần Ngọc Q, Bùi Ngọc K tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của người bị hại; Lời khai của các bị cáo Vũ Văn S, Vũ Văn H1, Trần Mạnh H1 tại cơ quan điều tra phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng là căn cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo. Ngoài ra còn được chứng minh bằng các tài liệu như: Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu hồi 9 giờ 00 phút ngày 23/9/2020 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình quản lý các tài liệu mua than của Công ty Hoàng K các ngày 03/7/2020 và ngày 11/9/2020; Biên bản quản lý vật chứng lập hồi 9 giờ 40 phút ngày 22/9/2020 và hồi 14 giờ ngày 24/9/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình quản lý số than Công ty Hoàng K mua của Vũ Văn H1 từ tàu NB 6675; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu lập hồi 9 giờ 20 phút ngày 22/9/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình quản lý của Nguyễn Thị D; Bảng tổng hợp lượng than và đơn giá xuất nhập than của Công ty Sơn H15; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu lập hồi 8 giờ 30 phút ngày 30/9/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình thu giữ khi khám xét tàu NB 6675, 11 Phiếu cân của trạm cân điện tử

Trà Lý; Biên bản khám nghiệm hiện trường, phương tiện ngày 22/9/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình; Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu lập ngày 31/01/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình quản lý trên tàu NB 6675; Hợp đồng số 09/HĐVTDV/2020/TV-DGNB ngày 02/01/2020 của Công ty Trưng V1 với Công ty Dương Gi1; Kết luận giám định số 6626A/C09-P4 ngày 25/9/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an; Kết luận giám định số 6626B/C09-P4 ngày 28/9/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an; Kết luận giám định số 02/KLGĐTL-PC09 ngày 13/01/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình; Kết luận định giá tài sản số 08/KLĐG-HDĐG ngày 25/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thái Bình; Kết luận định giá tài sản số 09/KLĐG-HDĐG ngày 08/10/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thái Bình; Biên bản giao nhận tài liệu hồi 14 giờ ngày 28/12/2020 và Biên bản giao nhận tài liệu hồi 16 giờ của Cơ quan An ninh điều tra bàn giao cho Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Bình biên bản về việc kiểm tra điện thoại di động của Vũ Văn S và in rút tài liệu ngày 18/11/2020, ngày 25/12/2020; Biên bản làm việc lập hồi 9 giờ ngày 29/12/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình với Trung tâm giám định thuộc Chi nhánh Tổng công ty Đông B về việc giao hàng, kẹp chì cho tàu NB 6675; Các biên bản làm việc hồi 8 giờ 30 phút ngày 23/9/2020; hồi 14 giờ ngày 30/12/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình với Tổng Công ty Đông B về quản lý các hợp đồng mua bán than của Tổng công ty với Công ty nhiệt điện Thái Bình; Biên bản làm việc lập hồi 10 giờ 5 phút ngày 07/10/2020, hồi 7 giờ 30 phút ngày 06/01/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình với Công ty cổ phần than Sông H5; Công văn số 1321/CV-TBTPC ngày 10/12/2020 của Công ty nhiệt điện Thái Bình cung cấp các thông tin về nhập than từ tàu NB6675; Biên bản làm việc lập hồi 9 giờ ngày 16/3/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình với Công ty nhiệt điện Thái Bình về việc thực hiện hợp đồng mua bán than nhập ngày 09/1/2020 và ngày 07/9/2020; Biên bản làm việc lập hồi 7 giờ 30 phút ngày 05/01/2021 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình với Công ty Trưng V1 về hợp đồng vận chuyển than của Tổng Công ty Đông B bán cho Công ty nhiệt điện Thái Bình.

[2.2] Xét kháng cáo kêu oan của các bị cáo Vũ Văn S, Vũ Văn H1, Trần Mạnh H1, Hội đồng xét xử thấy:

Từ những nhận định nêu trên, có đủ căn cứ để kết luận: Do được sự thỏa thuận, hứa hẹn và chuyển tiền trước của Vũ Văn S và Vũ Văn H1, Vũ Đình X và các thủy thủ trên tàu được Công ty Dương Gi1 giao trách nhiệm quản lý và chở than từ cảng Khe Dây, tỉnh Quảng Ninh về giao cho Công ty nhiệt điện Thái Bình đã cắt cáp kẹp chì, bơm nước vào than để bớt vợi than ra bán cho Vũ Văn S, Vũ Văn H1, Trần Mạnh H1. Quá trình chở than về Công ty nhiệt điện Thái Bình các chuyến hàng ngày 15/01/2020, ngày 03/7/2020, ngày 11/9/2020 Vũ Đình X đều báo trước cho Vũ Văn S và Vũ Văn H1 và được H1 và S chuyển tiền mua than trước cho X, H1

khai chuyến ngày 15/01/2020 không tham gia, tuy nhiên trên cơ sở lời khai trong quá trình điều tra của X, S, H1 có đủ căn cứ xác định chuyến hàng mua than ngày 15/01/2020 H1 có tham gia.

Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình truy tố, xét xử các bị cáo Vũ Đình X, Vũ Văn S, Doãn Văn H, Đỗ Quang Th, Vũ Văn H1 phạm tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Trần Văn L, Trần Văn Đ, Đào Văn O tham gia bơm nước vào than bớt vợi than để bán cho S và H1 trong hai chuyến ngày 03/7/2020 và ngày 11/9/2020 nên các bị cáo phạm tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Trần Ngọc Q, Nguyễn Xuân Đ1, Trần Mạnh H1 tham gia mua bán than một chuyến (Q, Đ1 chuyến ngày 11/9/2020, H1 chuyến ngày 15/01/2020) nên các bị cáo phạm tội "Tham ô tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan. Bị cáo Bùi Ngọc K biết than do H1 và S có được do phạm tội mà có nhưng vẫn thực hiện giao dịch mua bán với H1 nên bị cáo K phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan như nội dung kháng cáo của các bị cáo S, H1, H1. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo kêu oan của các bị cáo S, H1, H1.

[2.3] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của các bị cáo Vũ Đình X, Doãn Văn H, Đào Văn O và nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đề nghị giảm hình phạt cho các bị cáo Doãn Văn H, Trần Văn Đ, Đào Văn O, Nguyễn Xuân Đ1, Trần Ngọc Q, Hội đồng xét xử thấy:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước, các tổ chức xã hội, làm mất trật tự trị an xã hội, gây ảnh hưởng tiêu cực trong đời sống xã hội và quần chúng nhân dân do đó việc truy tố xét xử đối với các bị cáo là cần thiết.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Đối với Vũ Đình X, Doãn Văn H, Đỗ Quang Th, Trần Văn L, Trần Văn Đ, Đào Văn O, Trần Ngọc Q, Nguyễn Xuân Đ1: Bị cáo X có ký hợp đồng lao động với Công ty Dương Gi1 giữ chức vụ Thuyền trưởng có nhiệm vụ, quyền hạn trong doanh nghiệp nhưng đã lợi dụng nhiệm vụ được giao là quản lý, vận chuyển than trong hợp đồng để chỉ đạo các Thủy thủ trên tàu 3 lần thực hiện hành vi cắt dây cáp kẹp chì, kéo lưới, kéo bạt, cắm ống bơm nước vào các khoang sà lan chứa than nhằm mục đích tăng khối lượng than sau đó bớt vợi than ra để bán cho Vũ Văn S. Doãn Văn H, Đỗ Quang Th ba lần tích cực giúp sức cho X chiếm đoạt tổng số tiền là 644.690.700 đồng, Trần Văn L, Trần Văn Đ, Đào Văn O hai lần tích cực giúp sức cho X chiếm đoạt số tiền 249.500.000 đồng, Trần Ngọc Q, Nguyễn Xuân Đ1 một lần tích cực giúp sức cho X chiếm đoạt số tiền 169.000.000 đồng nên X là người chủ mưu, khởi xướng, chỉ đạo các bị cáo khác phạm tội nên

giữ vai trò thứ nhất. Các bị cáo H, Th đồng phạm giúp sức tích cực ba lần cho X nên giữ vai trò thứ hai. Các bị cáo L, Đ, O đồng phạm giúp sức hai lần cho X nên giữa vai trò thứ ba. Các bị cáo Q, Đ1 đồng phạm một lần giúp sức cho X nên giữ vai trò thứ tư trong vụ án.

Đối với Vũ Văn S, Vũ Văn H1, Trần Mạnh H1: S liên hệ và biết X chỉ có nhiệm vụ vận chuyển than từ cảng Khe Dây, tỉnh Quảng Ninh về giao cho Công ty nhiệt điện Thái Bình nhưng vẫn chủ động liên hệ hứa hẹn, thoả thuận giá cả, chuyển tiền mua than cho X, S đã giao cho H1 và H1 03 lần mua than của X với khối lượng 356,29 tấn trị giá 644.690.700 đồng. Thực hiện sự chỉ đạo của S, H1 đã 03 lần hướng dẫn X cập bến các bãi để mua than, H1 một lần tham gia chuẩn bị phương tiện bến bãi để xúc và cân than từ tàu lên bờ. Do đó S là người khởi xướng, chủ mưu cùng X giữ vai trò thứ nhất, H1 giúp sức tích cực giữ vai trò thứ hai, H1 đồng phạm giúp sức cho S, H1 nên giữ vai trò thứ ba trong vụ án.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Vũ Đình X, Doãn Văn H, Đỗ Quang Th, Vũ Văn S, Vũ Văn H1 03 lần thực hiện hành vi phạm tội phải chịu tình tiết tăng nặng "phạm tội 02 lần trở lên" quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Vũ Văn S và Trần Mạnh H1 đã bị kết án theo Bản án số 47/2017/HS-ST ngày 13/11/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, các bị cáo chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi pham tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Trần Văn L, Trần Văn Đ, Đào Văn O thực hiện hành vi phạm tội 02 lần nhưng các bị cáo bị truy tố với tình tiết định khung theo điểm c khoản 2 Điều 353 "phạm tội 02 lần trở lên" nên các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng "phạm tội 02 lần trở lên"; đồng thời đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Vũ Đình X, Doãn Văn H, Đỗ Quang Th, Trần Văn Đ, Đào Văn O, Trần Văn L, Nguyễn Xuân Đ1, Trần Ngọc Q, Bùi Ngọc K đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cùng được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Vũ Đình X có bố đẻ là ông Vũ Đinh Bình được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang, bố đẻ bị cáo Đỗ Quang Th là ông Đỗ Văn Chung được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ giải phóng và Huân chương kháng chiến vẻ vang. Các bị cáo Trần Ngọc Q, Bùi Ngọc K có thời gian tham gia quân đội, bố đẻ bị cáo Bùi Ngọc K là ông Bùi Ngọc Kỷ được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ vẻ vang nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Do bị cáo Vũ Đình X là người chủ mưu, chỉ đạo, khởi xướng, chỉ đạo các bị cáo khác phạm tội, xét vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo X, cần giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo.

Đối với các bị cáo Doãn Văn H, Trần Văn L, Trần Văn Đ, Đào Văn O, Trần Ngọc Q, Nguyễn Xuân Điều đều là người lao động, làm công ăn lương, có hoàn

cảnh gia đình khó khăn và đều thực hiện hành vi phạm tội theo sự chỉ đạo của bị cáo X, số tiền được hưởng lợi không nhiều. Các bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo H 16 năm tù, các bị cáo L, Đ, O mỗi bị cáo 08 năm tù, các bị cáo Q, Đ1 mỗi bị cáo 06 năm tù là có phần nghiêm khắc. Xét vai trò, tính chất mức độ hành vi phạm tội, nguyên nhân, điều kiện phạm tội của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo H, L, Đ, O, Q, Đ1, giảm một phần hình phạt cho các bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe, trừng trị, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung, thể hiện sự khoan hồng, tính nhân đạo của pháp luật, tạo điều kiện cho các bị cáo yên tâm cải tạo trở thành người có ích cho xã hội.

[2.4] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Bùi Ngọc K và nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đề nghị giảm hình phạt và cho bị cáo K được hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 11/9/2020 bị cáo Bùi Ngọc K giao dịch mua bán than với Vũ Văn H1 147 tấn than trị giá 269.010.000 đồng, khi biết khối lượng than mua bán là của Công ty nhiệt điện Thái Bình nhưng K vẫn mua than của H1 vì vậy bị cáo phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" như Cáo trạng truy tố, Bản án sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo lần đầu phạm tội, nhân thân tốt, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, giá trị than tiêu thu bất hợp pháp 269.010.000 đồng, bị cáo đã nộp khắc phục toàn bộ tài sản tiêu thụ, gia đình bị cáo có công với cách mạng, bị cáo có thời gian tham gia quân đội, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân bị cáo tuổi cao, nhiều bệnh tật. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 03 năm 06 tháng tù là có phần nghiêm khắc. Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, đồng thời xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo cũng như bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giảm hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Do vậy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo cũng như kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đối với bị cáo K.

[2.5] Xét kháng cáo của Tập đoàn điện lực Việt Nam, Hội đồng xét xử thấy:

Quá trình điều tra và tại các phiên tòa, đại diện Công ty Nhiệt điện Thái Bình xác định không bị thiệt hại và không yêu cầu bồi thường và nhận lại khối lượng than đã thu giữ 209,390 tấn và số than các bị cáo đã bán không thu hồi được là 142,9 tấn. Tuy nhiên cơ quan điều tra đã làm rõ trong quá trình vận chuyển than từ cảng Khe Dây, tỉnh Quảng Ninh về giao cho Công ty nhiệt điện Thái Bình, bị cáo Vũ Đình X đã chỉ đạo các bị cáo H, Th, Đ, L, O, Đ1, Q cắt cáp kẹp chì, bơm nước vào than để vợi bớt than ra bán cho Vũ Văn S. Như vậy, có cơ sở xác định Công ty Nhiệt điện Thái Bình đã nhận khối lượng than bị ngấm nước và khối lượng than các bị cáo lấy ra bán cho bị cáo S là của Công ty nhiệt điện Thái Bình.

Do đó, cần giao khối lượng 209,390 tấn than cho Công ty nhiệt điện Thái Bình vì đây là tài sản của Nhà nước bị thất thoát mà Công ty nhiệt điện Thái Bình có trách nhiệm quản lý và buộc Công ty phải nhận khối lượng than còn thiếu do các bị cáo bồi thường cho Công ty Dương Gi1, Công ty Dương Gi1 bồi thường cho các Công ty liên quan để giao cho Công ty Nhiệt điện Thái Bình là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung 02 kiến nghị liên quan đến trách nhiệm của Tập đoàn điện lực Việt Nam, xét thấy các kiến nghị của bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Tập đoàn điện lực Việt Nam.

Quan điểm của các luật sư bào chữa cho các bị cáo Hoàn, K và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Quan điểm của các luật sư bào chữa cho các bị cáo X, S, H1 và quan điểm của luật sư bảo vệ cho Tập đoàn điện lực Việt Nam không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Vũ Đình X, Vũ Văn S, Vũ Văn H1, Trần Mạnh H1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Doãn Văn H, Đào Văn O, Bùi Ngọc K được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Trần Văn Đ, Trần Văn L, Nguyễn Xuân Đ1, Trần Ngọc Q được chấp nhận kháng nghị nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Tập đoàn điện lực Việt Nam không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 348; điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc Q.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình về phần trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng. Quyết định của Bản án sự sơ thẩm số 14/2022/HS-ST ngày 04/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình về phần trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng có hiệu lực pháp luật.

II. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Doãn Văn H, Đào Văn O, Bùi Ngọc K;

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình về đề nghị giảm hình phạt cho các bị cáo Doãn Văn H, Trần Văn Đ, Trần Văn L, Đào Văn O, Nguyễn Xuân Đ1, Trần Ngọc Q; giảm hình phạt và cho hưởng án treo đối với bị cáo Trần Ngọc K;

III. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Vũ Đình X, Vũ Văn S, Vũ Văn H1 và Trần Mạnh H1;

Không chấp nhận kháng cáo của Tập đoàn điện lực Việt Nam;

IV. Sửa quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2022/HS-ST ngày 04/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình, cụ thể như sau:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vũ Đình X, Vũ Văn S, Doãn Văn H, Đỗ Quang Th, Vũ Văn H1, Trần Văn L, Trần Văn Đ, Đào Văn O, Trần Ngọc Q, Nguyễn Xuân Đ1, Trần Mạnh H1 phạm tội "Tham ô tài sản". Bị cáo Bùi Ngọc K phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm a khoản 3, khoản 6 Điều 353, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Đình X 17 (mười bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2020.

2.2. Áp dụng điểm a khoản 3, khoản 6 Điều 353, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Văn S 15 (mười lăm) năm tù. Áp dụng Điều 56 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2021/HSST ngày 28/10/2021 của Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình và hình phạt 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù tại Bản án hình sự phúc thẩm số 699/2022/HSPT ngày 23/9/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; buộc bị cáoVũ Văn S phải chấp hành hình phạt chung của cả ba bản án là 26 (hai mươi sáu) năm 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2.3. Áp dụng điểm a khoản 3, khoản 6 Điều 353, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Doãn Văn H 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2020.

2.4. Áp dụng điểm a khoản 3, khoản 6 Điều 353, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đỗ Quang Th 13 (mười ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2020.

2.5. Áp dụng điểm a khoản 3, khoản 6 Điều 353, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Văn H1 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/9/2020.

2.6. Áp dụng điểm c, d khoản 2, khoản 6 Điều 353, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn L 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2020.

2.7. Áp dụng điểm c, d khoản 2, khoản 6 Điều 353, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2020.

2.8. Áp dụng điểm c, d khoản 2, khoản 6 Điều 353, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đào Văn O 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2020.

2.9. Áp dụng điểm d khoản 2, khoản 6 Điều 353, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Đ1 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 29/9/2020.

2.10. Áp dụng điểm d khoản 2, khoản 6 Điều 353, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Ngọc Q 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/9/2020.

2.11. Áp dụng điểm d khoản 2, khoản 6 Điều 353, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 50, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Mạnh H1 09 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/10/2020.

2.12. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 323, điểm b, s, h khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Bùi Ngọc K 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Bùi Ngọc K cho ủy ban nhân dân thị trấn Kiến Xương, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo:

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự.

4.1. Buộc các bị cáo Vũ Đình X, Doãn Văn H, Đỗ Quang Th, Trần Văn Đ, Trần Văn L, Đào Văn O, Nguyễn Xuân Đ1, Trần Ngọc Q phải bồi thường cho Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Dương Gi1 261.507.000 đồng (trị giá 142,9 tấn than). Kỷ phần phần của từng bị cáo như sau: Bị cáo Vũ Đình X 121.507.000 đồng, bị cáo Doãn Văn H 50.000.000 đồng, bị cáo Đỗ Quang Th 30.000.000 đồng, bị cáo Trần Văn L 15.000.000 đồng, bị Trần Văn Đ 15.000.000 đồng, bị cáo Đào Văn O 10.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Xuân Đ1 10.000.000 đồng, bị cáo Trần Ngọc Q 10.000.000 đồng.

4.2. Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Dương Gi1 bồi thường cho Công ty cổ phần thương mại Trưng V1 261.507.000 đồng. Công ty cổ phần thương mại Trưng V1 bồi thường cho Công ty cổ phần than Sông H5

261.507.000 đồng. Công ty cổ phần than Sông H5 bồi thường cho Tổng công ty Đông B 261.507.000 đồng và Tổng công Đông B bồi thường cho Công ty Nhiệt điện Thái Bình 261.507.000 đồng.

4.3. Buộc bị cáo Vũ Văn S phải bồi thường cho bị cáo Bùi Ngọc K 94.500.000 đồng (trị giá 70 tấn than).

5. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

5.1. Tịch thu 02 tuýp sắt hình chữ "L", 01 điện thoại Samsung của Bùi Ngọc K, 01 điện thoại Samsung của Vũ Đình X, 02 điện thoại của Vũ Văn H1 để hoá giá sung vào ngân sách Nhà nước.

5.2. Buộc bị cáo Vũ Văn S nộp lại số tiền thu lời bất chính và giao dịch mua bán khối lượng 135,290 tấn than là 180.018.000 đồng (trong đó số tiền thu lợi bất chính là 27.018.000 đồng + số tiền giao dịch mua bán than là 153.000.000 đồng) và số tiền giao dịch mua bán khối lượng 147 tấn than với giá 198.000.000, tổng hai khoản lả 378.018.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

5.3. Buộc các bị cáo Vũ Đình X, Doãn Văn H, Đỗ Quang Th, Trần Văn Đ, Trần Văn L, Đào Văn O, Nguyễn Xuân Đ1, Trần Ngọc Q nộp lại số tiền bán than được chia để sung vào ngân sách Nhà nước. Trong đó bị cáo Vũ Đình X phải nộp 90.000.000 đồng, bị cáo Doãn Văn H 40.000.000 đồng, bị cáo Đỗ Quang Th 19.000.000 đồng, bị cáo Trần Văn L 5.000.000 đồng, bị cáo Trần Văn Đ 5.000.000 đồng, bị cáo Đào Văn O 4.000.000 đồng, bị cáo Nguyễn Xuân Điều 2.000.000 đồng, bị cáo Trần Ngọc Q 2.000.000 đồng.

5.4. Trả lại cho ông Dương Văn T - Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Dương Gi1 01 máy bơm, 03 ống nhựa, 04 chiếc bạt, 02 đoạn dây cáp và 209,390 tấn than. Buộc ông Dương Văn T phải trả lại 209,390 tấn than cho Công ty cổ phần thương mại Trưng V1. Công ty cổ phần thương mại Trưng V1 trả lại cho Công ty cổ phần than Sông H5 209,390 tấn than. Công ty cổ phần than Sông H5 trả lại cho Tổng công ty Đông B 209,390 tấn than và Tổng công Đông B trả lại cho Công ty Nhiệt điện Thái Bình 209,390 tấn than.

5.5. Trả lại bị cáo Vũ Văn S 01 máy xúc nhãn hiệu Komatshu. Trả lại Công ty TNHH Hoàng K 01 máy xúc Komatshu, 01 xe ô tô tải, 01 cây máy tính nhãn hiệu Gipco. Trả lại bị cáo Vũ Đình X giấy phép lái xe, thẻ ngân hàng, Giấy chứng nhận thuyền trưởng, căn cước công dân và thẻ tài khoản ngân hàng mang tên Vũ Đình X. Trả lại bị cáo Đỗ Quang Th điện thoại di động và Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng. Trả lại các bị cáo Trần Văn Đ, Trần Văn L, Trần Ngọc Q, Đào Văn O điện thoại di động và Chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa. Trả lại bị cáo Doãn Văn H 02 điện thoại di động. Trả lại bị cáo Nguyễn Xuân Đ1 Chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa.

Số vật chứng có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận, bảo quản tang vật, tài sản thi hành án ngày 03/6/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình.

6. Kiến nghị Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Bình xử lý trách nhiệm của các Giám định viên Công ty Giám định Vinacontrol Quảng Ninh và Công ty cổ phần giám định năng lượng Việt Nam, chi nhánh Miền Bắc thực hiện giám định than chuyến hàng các ngày 15/01/2020, 03/7/2020 và 11/9/2020 của Tổng Công ty Đông B giao cho Công ty Nhiệt điện Thái Bình.

7. Kiến nghị với Tập đoàn điện lực Việt Nam xem xét khắc phục sơ hở trong việc quản lý nguyên liệu than nhập vào Công ty Nhiệt điện Thái Bình tránh việc thất thoát gây thiệt hại cho Nhà nước.

8. Kiến nghị với Bộ Công thương xem xét trách nhiệm của Lãnh đạo Tập đoàn điện lực Việt Nam trong việc ban hành văn bản đồng thuận với Công ty Nhiệt điện Thái Bình về việc xử lý tài sản đối với khối lượng than là tang vật trong vụ án thuộc quyền quản lý của Công ty Nhiệt điện Thái Bình.

V. Về án phí: Các bị cáo Vũ Đình X, Vũ Văn S, Vũ Văn H1, Trần Mạnh H1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Doãn Văn H, Trần Văn Đ, Trần Văn L, Đào Văn O, Nguyễn Xuân Đ1, Trần Ngọc Q, Bùi Ngọc K không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Tập đoàn điện lực Việt Nam phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

VI. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *Công an tỉnh Thái Bình;*
- *Cục THADS tỉnh Thái Bình;*
- *TTG Công an tỉnh Thái Bình;*
- *Các bị cáo (qua trại);*
- *Bị cáo K (theo đ/c);*
- *Tổng cty điện lực Việt Nam (theo đ/c);*
- *Lưu HS, PHCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Tự Học